TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/KDTM-ST
Ngày: 18-6-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

2. Ông Bùi Duy Hải.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Kim Lài- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 01/2018/TLST-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua ban hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần kính V; địa chỉ: Số 014/02, tổ 1, khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh B do ông Vũ Duy H; chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị làm người đại diện theo pháp luật;

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Mộng C, sinh năm 1992; địa chỉ: Công ty Cổ phần kính V; địa chỉ: Số 014/02, tổ 1, khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh B (văn bản ủy quyền ngày 20-3-2018); có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ; địa chỉ: Số 269, khu phố C, phường T, thị xã T, tỉnh B do ông Nguyễn Thành N; chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2017, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Trong năm 2016 và 2017, Công ty Cổ phần kính V có bán sản phẩm kính cho Công ty TNHH Sản xuất -Thương Mại - Dịch vụ Đ cụ thể các hóa đơn như sau:

Hóa đơn số 1092 ngày 30-8-2016 số tiền 495.741.138 đồng;

Hóa đơn số 1235 ngày 30-9-2016 số tiền 39.430.416 đồng;

Hóa đơn số 1235 ngày 20-10-2016 số tiền 3.396.873 đồng;

Hóa đơn số 1426 ngày 25-11-2016 số tiền 60.485.666 đồng;

Hóa đơn số 1943 ngày 19-4-2017 số tiền 379.756.221 đồng;

Hóa đơn số 0048 ngày 24-5-2017 số tiền 241.862.500 đồng;

Hóa đơn số 0117 ngày 09-6-2017 số tiền 33.505.410 đồng;

Hóa đơn số 0265 ngày 26-7-2017 số tiền 574.828.086 đồng;

Hóa đơn số 0352 ngày 22-8-2017 số tiền 159.945.559 đồng;

Hóa đơn số 0450 ngày 21-9-2017 số tiền 77.073.880 đồng.

Tổng cộng số tiền hàng là 2.066.025.749 đồng.

Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ đã thanh toán 258.711.425 đồng.

Số tiền chưa thanh toán là 1.807.314.324 đồng.

Tiền lãi chậm trả từ ngày 01/10/2016 đến ngày 30/11/2017 là 72.601.828 đồng cụ thể như sau:

Hóa đơn số 1092 ngày 30-8-2016 số tiền 495.741.138 đồng, tiền lãi 23.505.447 đồng;

Hóa đơn số 1235 ngày 30-9-2016 số tiền 39.430.416 đồng, tiền lãi 3.624.970 đồng;

Hóa đơn số 1235 ngày 20-10-2016 số tiền 3.396.873 đồng, tiền lãi 288.508 đồng;

Hóa đơn số 1426 ngày 25-11-2016 số tiền 60.485.666 đồng, tiền lãi 4.699.736 đồng;

Hóa đơn số 1943 ngày 19-4-2017 số tiền 379.756.221 đồng, tiền lãi 16.126.981 đồng;

Hóa đơn số 0048 ngày 24-5-2017 số tiền 241.862.500 đồng, tiền lãi 8.578.057 đồng;

Hóa đơn số 0117 ngày 09-6-2017 số tiền 33.505.410 đồng, tiền lãi 945.969 đồng;

Hóa đơn số 0265 ngày 26-7-2017 số tiền 574.828.086 đồng, tiền lãi 12.071.390 đồng;

Hóa đơn số 0352 ngày 22-8-2017 số tiền 159.945.559 đồng, tiền lãi 2.239.238 đồng;

Hóa đơn số 0450 ngày 21-9-2017 số tiền 77.073.880 đồng, tiền lãi 521.533 đồng.

Tổng cộng: 1.879.916.152 đồng.

Ngày 13/02/2018, Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đ đã trả số tiền 99.956.000 đồng. Do đó, Công ty Cổ phần V yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền là 1.779.960.152 đồng (bao gồm nợ gốc 1.707.358.324 đồng và tiền lãi là 72.601.828 đồng).

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần kính V;

+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của ông Vũ Duy H;

+ Bản sao Công văn ngày 19-10-2017 (bà Trần Thị Hoài X xác nhận); Công văn ngày 25-11-2017 về việc yêu cầu thanh toán nợ quá hạn; Công văn ngày 30-9-2017 về việc yêu cầu thanh toán nợ quá hạn; Công văn ngày 07-9-2017 về việc yêu cầu thanh toán nợ quá hạn;

+ Công văn ngày 17-01-2017 về việc yêu cầu thanh toán nợ quá hạn; hóa đơn số 1092 ngày 30-8-2016; bảng xác nhận tiền hàng tháng 8/2016; phiếu xuất kho 060/08, 097/08, 115/08, 163/08, 207, 08, 299/08, 356/08, 360/08; hóa đơn 1235 ngày 30-9-2016; bảng xác nhận tiền hàng tháng 9/2016; phiếu xuất kho 274/09, 324/09, 378/09, hóa đơn 1293 ngày 20-10-2016; bảng xác nhận tiền hàng tháng 10/2016; phiếu xuất kho 019/10, 049/10; phiếu xuất kho 038/11, 119/11, 263/11; hóa đơn 1943 ngày 19-4-2017; bảng xác nhận tiền hàng tháng 04/2017; phiếu xuất kho 006/04, 012/04, 061/04, 081/04, 141/04, 202/04, 226/04, 235/04, 258/04, 287/04, 345/04; hóa đơn 48 ngày 24-5-2017; bảng xác nhận tiền hàng tháng 5/2017; phiếu xuất kho 054/05, 073/05, 094/05, 101/05, 122/05, 169/05, 193/05, 214/05, 325/05, 384/05, 434/05; hóa đơn 117 ngày 09-6-2017; bảng xác nhận tiền hàng tháng 6/2017; phiếu xuất kho 018/06, 130/06; hóa đơn 265 ngày 26-7-2017; bảng xác nhận tiền hàng tháng 7/2017; phiếu xuất kho 003/07, 052/07, 060/07, 078/07, 096/07, 103/07, 121/07, 136/07, 147/07, 168/07, 189/07, 209/07, 231/07, 258/07, 282/07, 306/07, 357/07, 370/07; hóa đơn 352 ngày 22-8-2017; bảng xác nhận tiền hàng tháng 8/2017; phiếu xuất kho 038/08, 076/08, 123/08, 138/08, 250/08; hóa đơn 450 ngày 21-9-2017; bảng xác nhận tiền hàng tháng 9/2017; phiếu xuất kho 042/09, 153/09; hóa đơn 1426 ngày 25-11-2016; bảng xác nhận nợ tháng 11-2016.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

Theo kết quả Tòa án đã xác minh tại Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh B thì Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ mã số doanh nghiệp 3700635642; địa chỉ trụ sở chính: Số 269, khu phố C, phường T, thị xã T, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thanh N. Theo thông tin lưu trữ hiện tại thì Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ vẫn đang hoạt động bình thường và chưa làm hồ sơ giải thể, chia, tách, phá sản.

Theo kết quả Tòa án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T như sau: Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ; địa chỉ trụ sở chính: Số 269, khu phố C, phường T, thị xã T, tỉnh B thì Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ vẫn hoạt động nhưng không cho đại diện của Tòa án vào tống đạt văn bản tố tụng. Do đó, Tòa án phải tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại cổng công ty.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng

dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Về nội dung: Hai bên đã đối chiếu công nợ tại biên bản đối chiếu công nợ (BL 08) và các hóa đơn, phiếu xuất kho (BL 20-125) chứng tỏ bị đơn có nợ tiền hàng của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Cổ phần kính V khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa nên quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đ có trụ sở chính tại thị xã T, tỉnh B nên vụ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ tham giá tố tụng tại tòa nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Giữa Công ty Cổ phần kính V và Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ có giao kết Hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng không lập thành văn bản. Việc mua bán hàng hóa được thực hiện như sau: Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ đặt hàng và Công ty Cổ phần V giao hàng thể hiện trên các phiếu xuất kho có chữ ký của bên nhận hàng là nhân viên Công ty Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ. Hàng tháng hai bên có lập bảng xác nhận tiền hàng. Hai bên đã tiến hành đối chiếu nợ tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/10/2017 xác định số tiền Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ còn nợ Công ty Cổ phần kính V là 1.807.314.324 đồng. Ngày 13/02/2018, Công ty Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ đã trả cho Công ty Cổ phần V số tiền 99.956.000 đồng. Do đó, Công ty Cổ phần V thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 1.707.358.324 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Công ty Cổ phần V yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ trả tiền lãi phát sinh từ các hóa đơn chậm thanh toán là 72.601.828 đồng với mức lãi suất là 8,40% (thấp hơn mức lãi xuất nợ quá hạn của ba ngân hàng thương mại theo xác minh của Tòa án là 10,2%) là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[6]. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 35, 39 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 11, 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần kính V đối với Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ 1.779.960.152 đồng (bao gồm nợ gốc 1.707.358.324 đồng và tiền lãi là 72.601.828 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần kính V không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần kính V số tiền tạm ứng án đã nộp 34.190.000 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013610, ngày 04-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Đ phải chịu 65.398.804 đồng (Sáu mươi lăm triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm lẻ bốn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: VT, HS.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm